

Bản án số: **118/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 09/4/2025.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Thương.

2. Ông Nguyễn Văn Hơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 396/2024/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐXXST – DS ngày 24 tháng 3 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn:

Anh Nguyễn Bình A, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: **Chị Huỳnh Ngọc N**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Bình A có lời trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân và việc cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Anh và chị Huỳnh Ngọc N tự nguyện kết hôn vào năm 2007 có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 17 tháng 7 năm 2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, vợ chồng anh đã nhiều lần tìm cách giải quyết, tuy nhiên không có tiếng nói chung, không hàn gắn được tình cảm và đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N, anh không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngân T, sinh ngày 05/02/2005 đã trưởng thành và Nguyễn Thị Ngân B, sinh ngày 14/8/2019, hiện

cháu đang sống chung với chị N. Khi ly hôn, anh A đồng ý để chị N trực tiếp nuôi con, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.500.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn chị Huỳnh Ngọc N có lời trình bày

- Về quan hệ hôn nhân: Chị thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thời gian hai bên kết hôn, thời gian đăng ký kết hôn. Chị và anh Nguyễn Bình A vẫn còn sống chung nhà, nhưng anh B A đi làm lâu lâu về thăm nhà rồi đi tiếp, chị ở cùng cha mẹ chồng nuôi các con. Cuộc sống hôn nhân cũng có xảy ra mâu thuẫn do anh B A ăn chơi, quen người phụ nữ khác và nợ nần người ta, chị đã phụ anh trả tiền cho họ và bỏ qua lỗi lầm nhiều lần. Trước đây, anh A cũng đã nộp đơn ly hôn với chị một lần, từ đó chị cũng nhiều lần trao đổi hàn gắn, nhưng lần này anh A lại tiếp tục nộp đơn, dù không làm thay đổi được anh A, khả năng hàn gắn tình cảm với nhau không còn nhưng chị còn thương chồng, thương con còn nhỏ nên mong muốn vợ chồng quay lại với nhau và không đồng ý ly hôn với anh A.

Đặt trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì chị có ý kiến như sau:

- Chị không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngân T, sinh ngày 05/02/2005 đã trưởng thành và Nguyễn Thị Ngân B, sinh ngày 14/8/2019, hiện cháu đang sống chung với chị N. Trường hợp Tòa án xét cho ly hôn, chị N đồng ý trực tiếp nuôi con và đồng ý việc anh A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.500.000đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của anh A.

- Về hôn nhân: Cho anh A được ly hôn đối với chị N.

- Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Ngân T, sinh ngày 05/02/2005 đã trưởng thành, đủ điều kiện sức khỏe lao động để tự nuôi sống bản thân và giao cháu Nguyễn Thị Ngân B, sinh ngày 14/8/2019 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và ghi nhận anh A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.500.000đồng/tháng.

- Nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

- Tài sản chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng:

Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con vì vậy căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách thụ lý giải quyết là phù hợp

[2]. Về nội dung:

Nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2007, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Theo nguyên đơn sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên tranh cãi, xung đột nhau và vợ chồng đã nhiều lần tìm cách giải quyết tuy nhiên không có tiếng nói chung, không hàn gắn được tình cảm, nay vợ chồng mạnh ai nấy sống không quan tâm đến nhau và cả hai đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 đến nay, trong thời gian này cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bị đơn chị N cũng thống nhất chị và anh A đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 đến nay mà không hàn gắn được tình cảm nhưng chị N không đồng ý ly hôn với anh A vì cho rằng còn tình cảm vợ chồng, anh chị đều trình bày thống nhất nhau nội dung anh A có con riêng với người phụ nữ khác khi hôn nhân còn tồn tại. Hội đồng xét xử nhận định nguyên đơn cương quyết ly hôn, bị đơn biết ly hôn là chấm dứt quan hệ hôn nhân, dù không muốn ly hôn nhưng không cùng nguyên đơn có các biện pháp tích cực nhằm cải thiện tình trạng hôn nhân của cả hai để kéo dài mối quan hệ hôn nhân trong thời gian sống ly thân nhau như vậy tình trạng hôn nhân của cả hai đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử cần thiết phải chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu cấp dưỡng sau khi ly hôn là do sự tự nguyện của cả hai vì vậy cần ghi nhận.

Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Ngân T, sinh ngày 05/02/2005 đã trưởng thành, đủ điều kiện sức khỏe lao động để tự nuôi sống bản thân và quyết định giao cháu Nguyễn Thị Ngân B, sinh ngày 14/8/2019 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và ghi nhận anh A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.500.000đồng/tháng là phù hợp.

Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn trình bày không có tài sản chung chung vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Về nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn trình bày không có tài sản chung chung vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Lời phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách tại phiên tòa về hình thức, nội dung vụ án là phù hợp với việc xem xét, đánh giá chứng cứ của Hội đồng xét xử vì vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng, nguyên đơn anh A phải có nghĩa vụ chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005754 ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Ngoài ra anh A còn có nghĩa vụ chịu số tiền 300.000đồng án phí cấp dưỡng cho con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Cụ thể tuyên:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Bình A.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Bình A được ly hôn với chị Huỳnh Ngọc N.

2. Về con chung:

Cháu Nguyễn Thị Ngân T, sinh ngày 05/02/2005 đã trưởng thành, đủ điều kiện sức khỏe lao động để tự nuôi sống bản thân.

Chị Huỳnh Ngọc N có quyền và nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung cháu Nguyễn Thị Ngân B, sinh ngày 14/8/2019.

Ghi nhận anh Nguyễn Bình A tự nguyện cấp dưỡng cho con số tiền 1.500.000đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh Nguyễn Bình A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai có quyền cản trở.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Bình A phải có nghĩa vụ chịu số tiền 300.000đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005754 ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Ngoài ra anh A còn có nghĩa vụ chịu số tiền 300.000đồng án phí cấp dưỡng cho con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Chợ Lách, tỉnh BT;
- Chi cục THADS huyện C, tỉnh BT;
- UBND xã H, huyện C, tỉnh BT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Chí Cường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Hồ Mỹ Ngọc Phạm Gia Ảnh

Đào Chí Cường

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

-Các đương sự;

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

TÒA

-TAND tỉnh Bến Tre;

-VKSND huyện C, tỉnh Bến Tre;

-Chi cục THADS huyện C, tỉnh Bến Tre;

-UBND xã Vĩnh Bình, huyện C, tỉnh Bến Tre;

-Lưu VP, hồ sơ vụ án.

Đào Chí Cường